

Bản án số: 315/2020/DS-ST

Ngày: 01-9-2020.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, địa chỉ số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/QĐST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ;

Địa chỉ: Đường L, Phường C, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoàng Chương Q. (Theo Quyết định số 186/QĐ-DAB-PC ngày 21/02/2020),

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Chung cư H, Phường MB, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Lê Hoàng Chương Q có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày nội dung vụ án như sau:

Bà Nguyễn Thị L có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Quận 10 – Phòng giao dịch 3 tháng 2, chi tiết như sau: Theo Hợp đồng tín dụng số 0043394801T16024 ngày 21/9/2016, chi tiết như sau: Số tiền vay 50.000.000 đồng, lãi suất 7.5%/năm (Lãi gộp tính trên dư nợ ban đầu), thời hạn vay: 36 tháng, mục đích vay: tiêu dùng phục vụ đời sống. Số tiền nợ gốc và lãi phải trả trong 36 kỳ: 61.250.000 đồng, trong đó số tiền trả góp trong 35 kỳ đầu: 1.720.000 đồng, số tiền trả góp kỳ cuối: 1.050.000 đồng. Tiền vay được giải ngân một lần vào tài khoản tiền gửi thanh toán của bà Nguyễn Thị L.

Trong quá trình vay, từ ngày 21/9/2016 cho đến nay, bà Nguyễn Thị L trả góp được 33 kỳ với tổng số tiền là 56.760.000 đồng. Kể từ kỳ 34 (kỳ trả nợ 21/7/2019) đến nay, bà L không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng như cam kết trong hợp đồng. Tổng số tiền bà L còn phải trả cho Ngân hàng nợ gốc là 4.388.648 đồng, nợ lãi trong hạn là 101.352 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 03/7/2020 là 411.740 đồng. Tổng cộng: 4.901.740 đồng.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị L không đến Tòa án tham gia tố tụng dù bà đã được tổng đạt hợp lệ nên Tòa án không có ý kiến trình bày của bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, đủ điều kiện mở phiên tòa xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 14, Quận 10, bị đơn – bà L có nơi cư trú cuối cùng tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP Đ là tổ chức tín dụng khởi kiện yêu cầu bà L thanh toán số tiền bà L đã vay của Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 0043394801T16024 ngày 21/9/2016, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3] Về thủ tục tố tụng:

[3.1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Lê Hoàng Chương Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3.2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn – bà L đến Tòa án tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nhưng bà L không tham gia và không có trình bày ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi hoãn phiên tòa lần thứ nhất, và tổng đạt hợp lệ lần thứ hai, bà L vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ Hợp đồng tín dụng số 0043394801T16024 ngày 21/9/2016 của Ngân hàng TMCP Đ, Hội đồng xét xử xét thấy ngày 21/9/2016 bà L có ký Hợp đồng tín dụng số 0043394801T16024 với nội dung cơ bản như sau: Hạn mức tín dụng: 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng phục vụ đời sống và lãi suất trong hạn là 7.5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% x lãi trong hạn. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xem xét nội dung của Hợp đồng tín dụng số 0043394801T16024 ngày 21/9/2016 là sự thỏa thuận giữa Ngân hàng TMCP Đ và bà L.

[4.1] Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc: Qua Bảng sao kê chi tiết tính đến ngày 03/7/2020 của Ngân hàng TMCP Đ, Hội đồng xét xử xét thấy bà L còn nợ số tiền gốc 4.388.648 đồng, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu nợ gốc là 4.388.648 đồng của Ngân hàng TMCP Đ đối với bà L.

[4.2] Xét yêu cầu về tiền lãi: Căn cứ Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT- NHNN ngày 14/4/2010 có quy định “Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư, phát triển và đời sống có hiệu quả”, Hội đồng xét xử xét thấy, mức lãi suất trong hạn đã thỏa thuận của hai bên là 7.5% và lãi quá hạn là $150\% \times 7.5\% / \text{năm}$ phù hợp với Điều 90 Luật các Tổ chức tín dụng. Bà L vi phạm thời hạn thanh toán từ ngày 21/7/2019 đến ngày 03/7/2020, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của Ngân hàng từ ngày 21/7/2019 đến ngày 03/7/2020, trong đó lãi trong hạn là 101.352 đồng và lãi quá hạn là 411.740 đồng.

[4.3] Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu bà L thanh toán cho Ngân hàng với nợ gốc là 4.388.648 đồng, nợ lãi trong hạn là 101.352 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 03/7/2020 là 411.740 đồng. Tổng cộng: 4.901.740 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 04/7/2020 bà L còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn trên nợ gốc theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0043394801T16024 ngày 21/9/2016 cho đến khi bà L thi hành xong nghĩa vụ thanh toán nêu trên.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Bà L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014471 ngày 23/4/2020 của Chi cục Thi hành án Quận 10.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3, Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

- Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Căn cứ Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 1, điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Nguyễn Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 4.901.740 đồng (Bốn triệu, chín trăm lẻ một ngàn, bảy trăm bốn mươi) đồng, trong đó số tiền gốc là 4.388.648 (Bốn triệu, ba trăm tám mươi tám ngàn, sáu trăm bốn mươi tám) đồng, số tiền lãi trong hạn là 101.352 (Một trăm lẻ một ngàn, ba trăm năm mươi hai) đồng, lãi quá hạn là 411.740 (Bốn trăm mười một ngàn, bảy trăm bốn mươi) đồng.

Kể từ ngày 04/7/2020, bà L còn phải chịu lãi quá hạn trên nợ gốc theo thỏa thuận tại Hợp đồng đồng tín dụng số 0043394801T16024 ngày 21/9/2016 cho đến khi bà L thi hành xong nghĩa vụ thanh toán nêu trên.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Thị L phải chịu. Nộp tại Chi cục Thi hành án Quận 10.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014471 ngày 23/4/2020 của Chi cục Thi hành án Quận 10.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ/.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mỹ Phương